

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Huy Khoa.
- Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị N1**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn DN, xã ĐN, huyện HH, tỉnh TB.

2. Bị đơn: **Anh Phạm Văn P**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn AN, xã LH, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, chị Lê Thị N1 trình bày:**

- Chị và anh Phạm Văn P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã HN (nay là xã LH), huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 13/10/2010. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh P hay ghen tuông, đánh đập chị và chửi bới gia đình chị, mẹ chồng chị thì coi thường và xúc phạm gia đình chị. Ngày 22/4/2022, chị và gia đình anh P xảy ra mâu thuẫn đỉnh điểm nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn DN, xã ĐN, huyện HH sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Chị và anh Phạm Văn P có 02 con chung là Phạm Kim N2, sinh ngày 09/9/2011 và Phạm VA, sinh ngày 25/11/2018. Hiện tại cả 02 con chung đang sinh sống cùng chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị và anh P không có nợ chung.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Phạm Văn P trình bày:**

- Anh thống nhất về thời gian và quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn và ly thân như chị N1 khai. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, anh bị ốm nên tiền bạc đi làm được đều sử dụng vào việc chữa bệnh, chị N1 yêu cầu anh đưa tiền nhưng anh không còn tiền nên chị N1 sinh sự, chửi bới anh và bố mẹ anh. Tháng 4/2022, chị N1 tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn DN, xã ĐN, huyện HH sinh sống. Anh xác định không thể chung sống với chị N1 được nữa, vợ chồng không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn với chị N1.

- Vợ chồng có 02 con chung như chị N1 trình bày. Từ khi vợ chồng ly thân, cả 02 con chung sinh sống cùng chị N1. Ly hôn, anh đồng ý để chị N1 được nuôi dưỡng cả 02 con chung và nhất trí việc chị N1 không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Sau này chị N1 có gia đình mới thì chị N1 phải có trách nhiệm đưa con chung về cho anh và bố mẹ anh nuôi dưỡng.

- Về tài sản: Anh và chị N1 không có tài sản chung và không có nợ chung, nên anh không yêu cầu giải quyết.

*** Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã LH có nội dung:**

Chị N1 và anh P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã HN (nay là xã LH), huyện ĐH, tỉnh TB ngày 13/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chị N1, anh P ra QN sinh sống một thời gian sau đó về địa P, năm 2018 anh P sang NB làm ăn đến cuối năm 2021 thì anh P về hẻm xã LH sinh sống. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, tháng 4/2022 chị N1 đã về nhà bố mẹ đẻ chị N1 ở huyện HH sinh sống. Nay chị N1 xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N1 và anh P có 02 con chung là Phạm Kim N2, sinh ngày 09/9/2011 và Phạm VA, sinh ngày 25/11/2018. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị N1. Ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N1 nuôi dưỡng vì hiện nay anh P đang ốm yếu không đủ sức khỏe để nuôi con.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị N1 được ly hôn anh Phạm Văn P.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị giao cả 02 con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị N1 không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Chị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Bị đơn, anh Phạm Văn P có nơi cư trú tại thôn AL, xã LH, huyện DH, tỉnh TB; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, chị Lê Thị N1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh Phạm Văn P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải cho chị N1 và anh P được, đồng thời đưa vụ án ra xét xử.

Anh Phạm Văn P có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P.

- Về nội dung:

[1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N1 và anh Phạm Văn P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N1 và anh P không có hạnh phúc, vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều không muốn duy trì đời sống hôn nhân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N1.

[2]. Về con chung: Cả 02 con chung đều đang sinh sống ổn định cùng chị N1, cháu Phạm Kim N2 có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với chị N1. Từ khi vợ chồng ly thân, chị N1 vẫn chăm sóc các con chu đáo, chị N1 có thu nhập và nơi ở ổn định, anh P đang ốm yếu, sức khỏe không được ổn định. Anh P cũng đồng ý để chị N1 nuôi dưỡng cả 02 con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, nên giao cả 02 con chung cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị N1 không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con chung.

[3]. Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí : Chị N1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị N1 và anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N1 được ly hôn anh Phạm Văn P.

2/. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Kim N2, sinh ngày 09/9/2011 và Phạm VA, sinh ngày 25/11/2018 cho chị Lê Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Lê Thị N1 không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng cho con chung.

Anh Phạm Văn P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; chị Lê Thị N1 và anh Phạm Văn P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3/. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Lê Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003092 ngày 25/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Văn P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- UBND xã Liên Hoa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Kiên Trung